Nghiên cứu phương pháp đánh giá tổn thương mỏi tích lũy kết cấu, ứng dụng cho tàu thủy và công trình nổi

Research on methods for assessing cumulative fatigue damage in structures, with applications to ships and offshore structures

1st **Lê Tuấn Vũ**   
Phòng Thiết kế Cơ Bản Thân Tàu  
Công ty TNHH Marine Engineering Bluetech Việt NamTp. Hồ Chí Minh, Việt Nam  
[vu.le@bluetechfinland.com](mailto:vu.le@bluetechfinland.com)   
 2nd **Đỗ Hùng Chiến**  
Viện Hàng Hải  
Trường Đại học Giao thông vận tải Tp. Hồ Chí MinhTp. Hồ Chí Minh, Việt Nam  
[chien.do@ut.edu.vn](mailto:chien.do@ut.edu.vn)

*Tóm tắt: Việc xác định và đánh giá các đặc trưng mỏi của chi tiết chịu ứng suất phức tạp đã được chú ý từ vài chục năm trở lại đây. Ngày nay, các phương pháp đánh giá tuổi thọ mỏi của chi tiết chịu ứng suất phức tạp có thể chia thành ba nhóm chính: phương pháp ứng suất - biến dạng tương đương [2], phương pháp năng lượng [3] và phương pháp mặt phẳng tới hạn [4-6]. Bên cạnh đó, chúng ta còn có phương pháp phạm vi phân phối ứng suất (Stres Range Distribution - SRD). [7] Phương pháp phạm vi phân phối ứng suất cùng với chương trình hỗ trợ được xây dựng bằng ngôn ngữ lập trình C# giúp xác định và đánh giá tổn thương mỏi kết cấu đồng thời phân tích được các yếu tố tác động đến tổn thương và tuổi thọ mỏi kết cấu.*

Từ khóa: Đánh giá độ bền mỏi, Ứng suất mỏi, Phương pháp phạn vi phân phối ứng suất (SRD), Kết cấu tàu thủy, kết cấu công trình ngoài khơi, tuổi thọ mỏi kết cấu, tổn tương mỏi kết cấu.

Abstract: The identification and evaluation of fatigue characteristics of complex stress components have received attention in recent decades. Nowadays, methods for evaluating the fatigue life of complex stress components can be divided into three main groups: equivalent stress-strain method [2], energy method [3], and critical plane method [4-6]. Besides, we also have the stress range distribution (SRD) method. [7] The stress range distribution method together with the supporting program built in C# programming language helps to identify and evaluate fatigue damage of structures while analyzing the factors affecting fatigue damage and fatigue life of structures.

Keywords: Fatigue strength assessment, Stress fatigue, Stress Range Distribution (SRD) method, Ship structures, Offshore structures, Structural fatigue life, Structural fatigue damage.

# GIỚI THIỆU

Hiện nay, các lý thuyết và phương pháp đánh giá tuổi thọ mỏi của kết cấu đã được nghiên cứu khá bài bản và đạt được nhiều kết quả khả quan. Ở giai đoạn đầu, để đơn giản hóa vấn đề, các nghiên cứu sử dụng mô hình ứng suất - biến dạng đơn có ảnh hưởng chính (bỏ qua các thành phần ứng suất - biến dạng còn lại) để tính toán và dự đoán tuổi thọ mỏi của kết cấu. Tuy nhiên, thực tế các chi tiết, kết cấu trong quá trình làm việc hầu hết đều chịu tác dụng của tải trọng phức tạp dẫn đến trạng thái ứng suất trong chi tiết, kết cấu không phải ở trạng thái ứng suất đơn. Hơn nữa, các yếu tố đặc biệt về hình dạng và sự không đồng nhất về vật liệu của chi tiết, kết cấu càng làm cho trạng thái ứng suất trong kết cấu trở nên phức tạp hơn [1]. Trong và ngoài nước cũng đã có nhiều nghiên cứu liên quan đến tổn thương mỏi kết cấu bằng nhiều phương pháp khác nhau.

Đề tài khoa học cấp bộ: “Nghiên cứu đánh giá tuổi thọ mỏi của công trình biển di động hoạt động trong thềm lục địa Việt Nam” do TS. Đỗ Hùng Chiến làm chủ nhiệm đề tài đã cơ bản tìm ra hướng giải quyết các bài toán xác định tải trọng môi trường tác động lên công trình biển do nhóm nghiên cứu viết trên nền của MATLAB, qua đó có thể xác định được hệ số tập trung ứng suất và tiến hành phân tích mỏi để xác định được tổn thương mỏi và tuổi thọ mỏi của kết cấu. Đề tài đã đánh giá tổn thương mỏi tích lũy cho giàn khoan tự nâng Tam Đảo 01 tại Vũng Tàu, góp phần nâng cao tuổi thọ và đảm bảo an toàn cho công trình.

Nhóm tác giả: Đỗ Văn Sĩ, Bùi Mạnh Cường, Tạ Văn San trong nghiên cứu “Xác định giới hạn bền mỏi của chi tiết chịu ứng suất phức tạp bằng phương pháp số đã trình bày kết quả tính toán giới hạn bền mỏi của chi tiết chịu ứng suất phức tạp bằng phương pháp số. Trường ứng suất phức tạp được chuyển đổi thành trường ứng suất tương đương để tính giới hạn bền mỏi dựa trên các tiêu chí khác nhau. Kết quả tính toán được so sánh với kết quả thử nghiệm và tiêu chuẩn quốc tế để xác định tiêu chí nào là phù hợp nhất cho đánh giá giới hạn bền mỏi của chi tiết chịu ứng suất phức tạp

Bài báo “Tính toán mức tăng tuổi thọ của kết cấu sau rung khử ứng suất dư theo các giả thuyết khác nhau” của nhóm tác giả Đỗ Văn Sĩ, Bùi Mạnh Cường và Nguyễn Văn Dương trình bày kết quả nghiên cứu về ứng dụng công nghệ rung khử ứng suất dư trong tính toán và khảo sát về mức độ tăng tuổi thọ mỏi của kết cấu. Mô hình tích lũy tổn thương mỏi tuyến tính theo phương pháp của Miner được áp dụng với ứng suất dư đóng vai trò quan trọng

Nhóm tác giả: Byoung-Hoon Jung, In-Gyu Ahn, Sun-Kee Seo và Beom-Il Kim trong nghiên cứu “Fatigue Assessment of Very Large Container Ships Considering Springing Effect Based on Stochastic Approach” đã xây dựng một phương pháp đánh giá độ bền mỏi xem xét thành phần co giãn tuyến tính trong miền tần số. Dựa trên một mô hình toàn cầu ba chiều, thực hiện phân tích tương tác cơ - cấu và áp dụng phương pháp kết hợp các mode để xác định ứng suất điểm nóng tại góc hầm của tàu chở container rất lớn. Phá hủy mỏi được ước tính trực tiếp bằng cách sử dụng hàm chuyển đổi ứng suất với phản ứng co giãn tuyến tính

Nhóm tác giả Wolfgang Fricke, Hans Paetzold với đề tài nghiên cứu “Full-scale fatigue tests of ship structures to validate the S–N approaches for fatigue strength assessment” tập trung vào việc thực hiện các thử nghiệm độ bền mỏi quy mô đầy đủ trên các cấu trúc tàu thủy và công trình nổi để xác nhận các phương pháp đánh giá sức mệt mỏi dựa trên đường cong S-N. Bài nghiên cứu này nhấn mạnh đến vấn đề độ bền mỏi của các kết cấu tàu thủy và công trình nổi dựa trên đường cong S-N, vì chúng phải chịu những tải trọng tuần hoàn cao trong các điều kiện hàng hải. Tuy nhiên, đối với việc đánh giá độ bền mỏi của các kết cấu này có nhiều phương pháp khác nhau và không đồng nhất. Vì vậy, để hài hòa các phương pháp đánh giá độ bền mỏi, các thử nghiệm độ bền mỏi quy mô đầy đủ đã được thực hiện ở Đức trong một dự án nghiên cứu chung của ngành công nghiệp đóng tàu.

Phương pháp phạm vi phân phối ứng suất (SRD) giúp xác định các khoảng ứng suất tại các điểm nóng trên kết cấu, mô phỏng các biến đổi độ bền mỏi trong một khoảng thời gian và điều kiện hoạt động khác nhau. Khi đánh giá độ bền mỏi của kết cấu tàu, có nhiều yếu tố tác động đến độ bền mỏi như tải trọng động, tình trạng sóng biển, nhiệt độ môi trường và thời gian hoạt động,…. Sử dụng phương pháp SRD giúp tính toán chính xác các ứng suất tại các điểm nóng trong suốt quá trình hoạt động của tàu, từ đó định lượng hiệu quả độ mỏi và tuổi thọ của kết cấu.

Các nghiên cứu trên đã đưa ra một số vấn đề và thách thức quan trọng trong việc đánh giá độ bền mỏi của các kết cấu. Dưới đây là một số điểm chính được thể hiện:

* Sử dụng phương pháp số: Một số nghiên cứu đều nhấn mạnh việc sử dụng phương pháp số để đánh giá độ bền mỏi của các kết cấu. Phương pháp phần tử hữu hạn, như trong trường hợp sử dụng phần mềm ANSYS, được áp dụng để mô phỏng ứng suất và trường ứng suất trong các kết cấu chịu ứng suất phức tạp.
* Chênh lệch giữa ứng suất đơn và ứng suất tương đương Von Mises: Một trong những vấn đề quan trọng là sự chênh lệch giữa việc sử dụng ứng suất đơn và ứng suất tương đương Von Mises. Khi kết cấu chịu ứng suất phức tạp, sử dụng ứng suất đơn có thể dẫn đến sai lệch lớn, trong khi ứng suất tương đương Von Mises giữ được độ chính xác cao.
* Đánh giá chi tiết và chất lượng đường hàn: Trong nghiên cứu về độ bền mỏi của cửa van, vấn đề của khuyết tật tại các đường hàn và chất lượng của chúng được nhấn mạnh. Cần phải xem xét chi tiết cho tất cả các nút giàn và kiểm tra tính toán mỏi cho từng nút, đặc biệt là khi xem xét chất lượng của đường hàn.
* Tính toán độ bền mỏi dựa trên các tiêu chí khác nhau: Các nghiên cứu đã thực hiện tính toán độ bền mỏi của các kết cấu dựa trên nhiều tiêu chí khác nhau như ứng suất - biến dạng tương đương, năng lượng, và mặt phẳng tới hạn. Sự đa dạng này thể hiện sự phức tạp trong quá trình đánh giá độ bền mỏi.
* Thách thức từ áp lực nước biến đổi: Trong việc đánh giá độ bền mỏi của cấu trúc cửa van, sự biến đổi không ngừng của áp lực nước trong các điều kiện làm việc hai chiều tạo ra thách thức đối với các kết nối hàn giữa các thanh giàn.
* Sự chênh lệch giữa mô hình hóa và thực nghiệm: Nghiên cứu về tăng tuổi thọ của kết cấu sau rung khử ứng suất thúc đẩy sự chênh lệch giữa mô hình hóa và thực nghiệm, đặc biệt khi sử dụng các lý thuyết khác nhau để tính toán mức tăng tuổi thọ mỏi cho kết cấu.

Như vậy, các vấn đề này thể hiện sự phức tạp và đa dạng trong quá trình đánh giá độ bền mỏi của các kết cấu, đặc biệt khi chúng đối mặt với các điều kiện tải trọng động, sự biến đổi không gian, môi trường, vật liệu,… Đòi hỏi cần sự kết hợp giữa các phương pháp khác nhau, các nghiên cứu khác nhau qua đó đưa ra được giá trị có thể đảm bảo được độ tin cậy.

Do đó, đề tài "Nghiên cứu phương pháp đánh giá tổn thương mỏi tích lũy kết cấu, ứng dụng cho tàu thủy và công trình nổi." được ra đời và phân tích thêm một phương pháp có thể đánh giá được thiệt hại do mỏi gây ra trong quá trình hoạt động của tàu thủy và công trình nổi, đồng thời có thể dự đoán được tuổi thọ của kết cấu nhằm có các biện pháp phù hợp bảo vệ kết cấu.

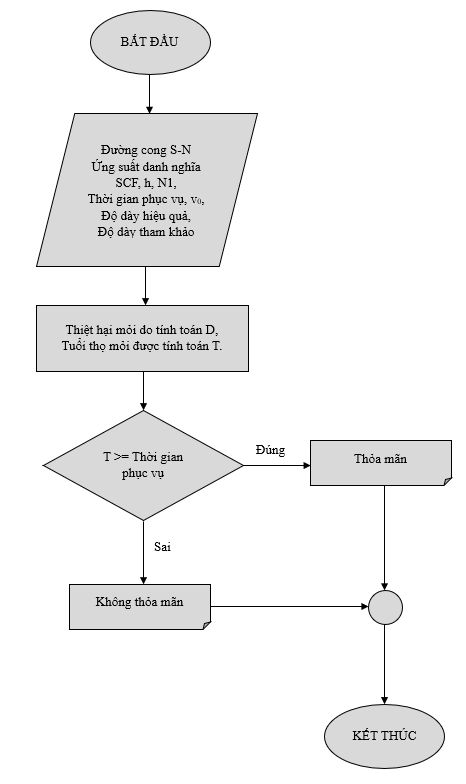
# PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

## Phương pháp phạm vi phân phối ứng suất

Sơ đồ thuật toán nhằm tính toán thiệt hại mỏi và tuổi thọ mỏi theo như hình 1. Để tính toán, cần có các dữ liệu đường cong S-N, hệ số hình dạng weibull, giá trị ứng suất danh nghĩa, giá trị hệ số tập trung ứng suất, và các hệ số liên quan đến đường cong S-N, các giá trị về độ dày kết cấu, thời gian phục vụ kết cấu.

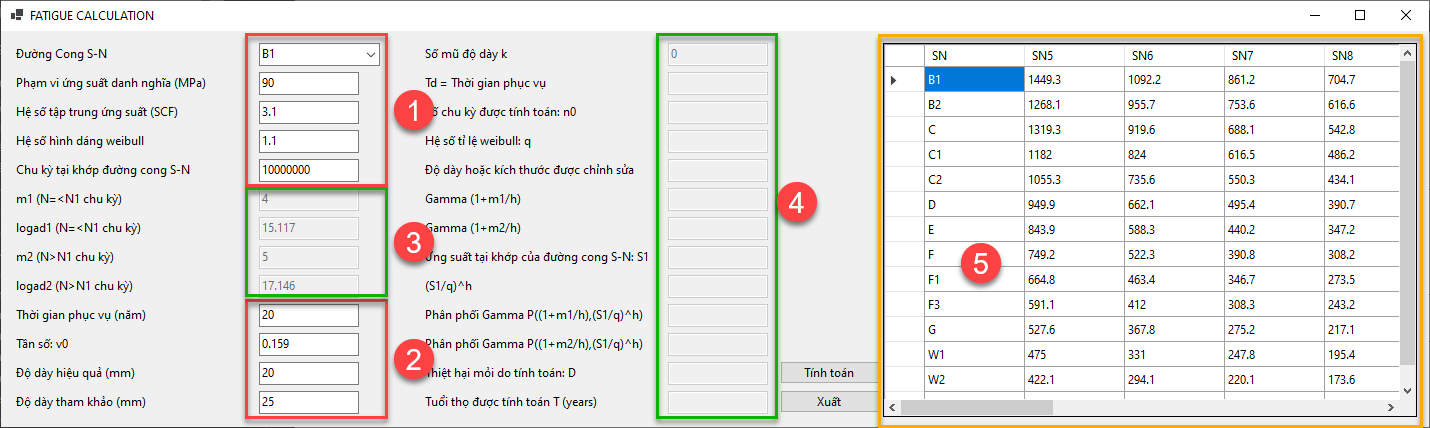
* Giá trị ứng suất danh nghĩa được xác định dựa theo phân tích độ bền kết cấu với phần mềm hỗ trợ Ansys
* Hệ số tập trung ứng suất SCF =
* Hệ số hình dạng weibull được xác định trong khoảng từ 0.5 cho đến 1.3 cụ thể như bảng 1.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| STT | Hệ số hình dạng Weibul | Khu vực và điều kiện kết cấu |
| 1 | 0.5 | Căn cứ cố định ở vùng biển vịnh Mexico và truss spars |
| 2 | 0.7 | Dầm dưới mặt nước và cản sóng động ở vùng biển vịnh Mexico và cảng chân vững |
| 3 | 1 | Cho biển Bắc, biển Đông và California Nam (cố định sóng) |
| 4 | 1.3 | Cho biển Bắc, biển Đông và Calofornia Nam (động) và Châu Phi |



## Xây dựng chương trình tính toán

Chương trình tính toán được xây dựng dựa trên sơ đồ thuật toán hình 1. Giao diện của chương trình tính toán như hình 2



* Các khu vực 1, 2 (khu vực màu đỏ) là các khu vực điền hoặc chọn các giá trị đã được tính toán.
* Các khu vực 3, 4 (khu vực màu xanh lá cây) là các khu vực mà giá trị được tự động tính toán ra dựa trên các thông số được điền vào từ khu vực 1, 2.
* Khu vực 5 (khu vực màu da cam) là khu vực thể hiện các thông số cụ thể của đường cong S-N, nơi chúng ta có thể lựa chọn đường cong S-N phù hợp trong tính toán.

# KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU TỔN THƯƠNG MỎI TÍCH LŨY KẾT CẤU

## Mô hình tính toán

Dựa trên kết cấu của các tàu ro/ro hiện tại, đã chọn một góc nối khung sườn của mạn tàu và boong tàu. Các góc khung sườn này là các phần tử trong mặt cắt ngang của tàu, chúng chủ yếu chịu tác động của uốn do tải trọng tàu và các tác động ngoại lực. Sau đó tiến hành tính toán mô phỏng để có được các giá trị ban đầu, làm dữ liệu phục vụ việc tính toán và phân tích tiếp theo đối với việc nghiên cứu về độ bền mỏi.

Chiều cao bản thành của các khung sườn hình chữ T này là 600mm và bản cánh của chúng được tạo thành từ các thanh thẳng 250x20 (đối với thanh liên tục) và 200x20 (đối với thanh gián đoạn). Mô hình mô phỏng ở đây là một góc với hai khung sườn cách nhau 1000mm. Và các thanh chữ T này được lắp đặt trên một tấm với chiều dày t=11.5mm.

A diagram of a rectangular object

Description automatically generated

Lực tác động chủ yếu là lực kéo theo đường chéo tạo ra một momen uốn cùng với lực dọc trục trong cả 2 khung sườn, do đó khung sườn chủ yếu chịu tải uốn. Mỗi lực kéo tác dụng có giá trị 125kN, như vậy tổng lực kéo tác động 250kN.

Điều kiện biên đối với mô hình mô phỏng trong trường hợp này sử dụng điều kiện ngàm chặt đối với đường giao nhau giữa mạn tàu và boong tàu.

A computer generated image of a computer

Description automatically generated

* Kết quả ứng suất danh nghĩa (norminal stress): 
* Kết quả ứng suất lớn nhất: 
* Hệ số tập trung ứng suất (SCF):

Dựa vào phần cơ sở lý thuyết để tính toán độ bền mỏi tàu thủy và công trình nổi và các thông số đầu vào, ta có thể xác định một số thông số khác cụ thể như sau:

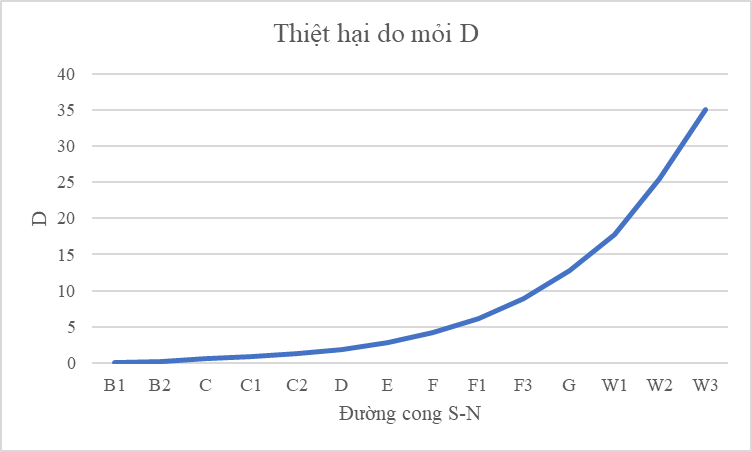
* Đối với hệ số hình dạng Weibull, ta có thể giả sử hệ số này trải dài từ 0.5 cho đến 1.3 để xác định ảnh hưởng của hệ số đến việc tính toán độ bền mỏi của kết cấu.
* Thời gian phục vụ (Year in service): 20 năm.
* Độ dày hiệu quả: 20 mm
* Độ dày tham khảo: 25 mm

.

## Kết quả

Kết quả tính toán được tính toán theo trường hợp Giữ nguyên hệ số hình dạng Weibull là 1.1, thay đổi các giá trị của đường cong S-N để phân tích sự thay đổi của tổn thương mỏi và tuổi thọ mỏi:





## Equations

The equations are an exception to the prescribed specifications of this template. You will need to determine whether or not your equation should be typed using either the Times New Roman or the Symbol font (please no other font). To create multileveled equations, it may be necessary to treat the equation as a graphic and insert it into the text after your paper is styled.

Number equations consecutively. Equation numbers, within parentheses, are to position flush right, as in (1), using a right tab stop. To make your equations more compact, you may use the solidus ( / ), the exp function, or appropriate exponents. Italicize Roman symbols for quantities and variables, but not Greek symbols. Use a long dash rather than a hyphen for a minus sign. Punctuate equations with commas or periods when they are part of a sentence, as in:

*a**b* 

Note that the equation is centered using a center tab stop. Be sure that the symbols in your equation have been defined before or immediately following the equation. Use “(1)”, not “Eq. (1)” or “equation (1)”, except at the beginning of a sentence: “Equation (1) is . . .”

## Some Common Mistakes

* The word “data” is plural, not singular.
* The subscript for the permeability of vacuum **0, and other common scientific constants, is zero with subscript formatting, not a lowercase letter “o”.
* In American English, commas, semicolons, periods, question and exclamation marks are located within quotation marks only when a complete thought or name is cited, such as a title or full quotation. When quotation marks are used, instead of a bold or italic typeface, to highlight a word or phrase, punctuation should appear outside of the quotation marks. A parenthetical phrase or statement at the end of a sentence is punctuated outside of the closing parenthesis (like this). (A parenthetical sentence is punctuated within the parentheses.)
* A graph within a graph is an “inset”, not an “insert”. The word alternatively is preferred to the word “alternately” (unless you really mean something that alternates).
* Do not use the word “essentially” to mean “approximately” or “effectively”.
* In your paper title, if the words “that uses” can accurately replace the word “using”, capitalize the “u”; if not, keep using lower-cased.
* Be aware of the different meanings of the homophones “affect” and “effect”, “complement” and “compliment”, “discreet” and “discrete”, “principal” and “principle”.
* Do not confuse “imply” and “infer”.
* The prefix “non” is not a word; it should be joined to the word it modifies, usually without a hyphen.
* There is no period after the “et” in the Latin abbreviation “et al.”.
* The abbreviation “i.e.” means “that is”, and the abbreviation “e.g.” means “for example”.

An excellent style manual for science writers is [7].

# Using the Template

After the text edit has been completed, the paper is ready for the template. Duplicate the template file by using the Save As command, and use the naming convention prescribed by your conference for the name of your paper. In this newly created file, highlight all of the contents and import your prepared text file. You are now ready to style your paper; use the scroll down window on the left of the MS Word Formatting toolbar.

## Authors and Affiliations

**The template is designed for, but not limited to, six authors.** A minimum of one author is required for all conference articles. Author names should be listed starting from left to right and then moving down to the next line. This is the author sequence that will be used in future citations and by indexing services. Names should not be listed in columns nor group by affiliation. Please keep your affiliations as succinct as possible (for example, do not differentiate among departments of the same organization).

### For papers with more than six authors: Add author names horizontally, moving to a third row if needed for more than 8 authors.

### For papers with less than six authors: To change the default, adjust the template as follows.

#### Selection: Highlight all author and affiliation lines.

#### Change number of columns: Select the Columns icon from the MS Word Standard toolbar and then select the correct number of columns from the selection palette.

#### Deletion: Delete the author and affiliation lines for the extra authors.

## Identify the Headings

Headings, or heads, are organizational devices that guide the reader through your paper. There are two types: component heads and text heads.

Component heads identify the different components of your paper and are not topically subordinate to each other. Examples include Acknowledgments and References and, for these, the correct style to use is “Heading 5”. Use “figure caption” for your Figure captions, and “table head” for your table title. Run-in heads, such as “Abstract”, will require you to apply a style (in this case, italic) in addition to the style provided by the drop down menu to differentiate the head from the text.

Text heads organize the topics on a relational, hierarchical basis. For example, the paper title is the primary text head because all subsequent material relates and elaborates on this one topic. If there are two or more sub-topics, the next level head (uppercase Roman numerals) should be used and, conversely, if there are not at least two sub-topics, then no subheads should be introduced. Styles named “Heading 1”, “Heading 2”, “Heading 3”, and “Heading 4” are prescribed.

## Figures and Tables

#### Positioning Figures and Tables: Place figures and tables at the top and bottom of columns. Avoid placing them in the middle of columns. Large figures and tables may span across both columns. Figure captions should be below the figures; table heads should appear above the tables. Insert figures and tables after they are cited in the text. Use the abbreviation “Fig. 1”, even at the beginning of a sentence.

1. Table Type Styles

| Table Head | Table Column Head | | |
| --- | --- | --- | --- |
| Table column subhead | Subhead | Subhead |
| copy | More table copya |  |  |

1. Sample of a Table footnote. (*Table footnote*)
2. Example of a figure caption. (*figure caption*)

Figure Labels: Use 8 point Times New Roman for Figure labels. Use words rather than symbols or abbreviations when writing Figure axis labels to avoid confusing the reader. As an example, write the quantity “Magnetization”, or “Magnetization, M”, not just “M”. If including units in the label, present them within parentheses. Do not label axes only with units. In the example, write “Magnetization (A/m)” or “Magnetization {A[m(1)]}”, not just “A/m”. Do not label axes with a ratio of quantities and units. For example, write “Temperature (K)”, not “Temperature/K”.

##### Acknowledgment *(Heading 5)*

The preferred spelling of the word “acknowledgment” in America is without an “e” after the “g”. Avoid the stilted expression “one of us (R. B. G.) thanks ...”. Instead, try “R. B. G. thanks...”. Put sponsor acknowledgments in the unnumbered footnote on the first page.

##### References

The template will number citations consecutively within brackets [1]. The sentence punctuation follows the bracket [2]. Refer simply to the reference number, as in [3]—do not use “Ref. [3]” or “reference [3]” except at the beginning of a sentence: “Reference [3] was the first ...”

Number footnotes separately in superscripts. Place the actual footnote at the bottom of the column in which it was cited. Do not put footnotes in the abstract or reference list. Use letters for table footnotes.

Unless there are six authors or more give all authors’ names; do not use “et al.”. Papers that have not been published, even if they have been submitted for publication, should be cited as “unpublished” [4]. Papers that have been accepted for publication should be cited as “in press” [5]. Capitalize only the first word in a paper title, except for proper nouns and element symbols.

For papers published in translation journals, please give the English citation first, followed by the original foreign-language citation [6].

1. G. Eason, B. Noble, and I. N. Sneddon, “On certain integrals of Lipschitz-Hankel type involving products of Bessel functions,” Phil. Trans. Roy. Soc. London, vol. A247, pp. 529–551, April 1955. *(references)*
2. J. Clerk Maxwell, A Treatise on Electricity and Magnetism, 3rd ed., vol. 2. Oxford: Clarendon, 1892, pp.68–73.
3. I. S. Jacobs and C. P. Bean, “Fine particles, thin films and exchange anisotropy,” in Magnetism, vol. III, G. T. Rado and H. Suhl, Eds. New York: Academic, 1963, pp. 271–350.
4. K. Elissa, “Title of paper if known,” unpublished.
5. R. Nicole, “Title of paper with only first word capitalized,” J. Name Stand. Abbrev., in press.
6. Y. Yorozu, M. Hirano, K. Oka, and Y. Tagawa, “Electron spectroscopy studies on magneto-optical media and plastic substrate interface,” IEEE Transl. J. Magn. Japan, vol. 2, pp. 740–741, August 1987 [Digests 9th Annual Conf. Magnetics Japan, p. 301, 1982].
7. M. Young, The Technical Writer’s Handbook. Mill Valley, CA: University Science, 1989.

**IEEE conference templates contain guidance text for composing and formatting conference papers. Please ensure that all template text is removed from your conference paper prior to submission to the conference. Failure to remove template text from your paper may result in your paper not being published.**